

Số: 3070/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v mời cung cấp báo giá để xây dựng dự toán Dịch vụ thẩm định giá lô tài sản máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ hết hạn sử dụng theo sổ kế toán cần thanh lý của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

Kính gửi: Các Công ty có chức năng thẩm định giá theo quy định pháp luật.

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 19/06/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý thiết bị y tế; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ công văn số 3161/SYT-KHTC ngày 15/7/2025 của Sở Y tế về việc đẩy mạnh công tác rà soát thanh lý, điều chuyển tài sản công.

Căn cứ Quyết định số 1703/QĐ-BVT ngày 18/7/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập Tổ công tác rà soát, thanh lý tài sản.

Căn cứ Biên bản họp ngày 18/8/2025 Về việc kiểm kê rà soát tên tài sản, mã tài sản, số lượng, tình trạng sử dụng (hư hỏng, không sử dụng được, không có nhu cầu sử dụng), giá trị còn lại năm 2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Quyết định số 2406/QĐ-BVT ngày 29/9/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt tài sản thanh lý máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ hết hạn sử dụng theo sổ kế toán của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

Để có cơ sở xây dựng dự toán và lựa chọn đơn vị cung cấp dịch Thẩm định giá: Lô tài sản máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ hết hạn sử dụng theo sổ kế toán cần thanh lý của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng kính mời các đơn vị, có đủ năng lực, kinh nghiệm và quan tâm tham gia báo giá dịch vụ với các nội dung chi tiết như sau:

1. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
- Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh - Phường Hồng Gai - Tỉnh Quảng Ninh
- Mã số thuế: 5700391598
- Thông tin liên hệ:
- + Tổ mua sắm Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
- + Người liên hệ: Bà Lê Thị Gấm

2. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục dịch vụ: Thẩm định giá Lô tài sản máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ hết hạn sử dụng theo sổ kế toán. Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Thông báo này.
- Mục đích báo giá: Làm cơ sở xác định giá khởi điểm để bán đấu giá tài sản hết hạn sử dụng theo sổ kế toán cần thanh lý của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức báo giá cung cấp dịch vụ thẩm định giá:

Doanh nghiệp thẩm định giá được lựa chọn phải thuộc danh sách công khai doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá của Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông báo số 1271/TB-BTC ngày 31/12/2024 của Bộ Tài chính về (Danh sách thẩm định giá viên về giá đủ điều kiện hành nghề tại các doanh nghiệp thẩm định giá và Danh sách doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá không đảm bảo điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025).

4. Thời hạn, địa điểm và hình thức nộp báo giá:

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Kể từ ngày phát hành Thông báo này đến trước **08 giờ 30 phút, ngày 29/10/2025**.

- Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

- Hình thức nộp báo giá:

+ Nộp bản cứng (có dấu và chữ ký của người đại diện hợp pháp) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

+ Gửi kèm bản mềm (file scan PDF) qua địa chỉ email đã nêu tại Mục 1.

Địa điểm nhận báo giá (bản cứng):

- + Tổ mua sắm Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.
- + Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh - Phường Hồng Gai - Tỉnh Quảng Ninh.

5. Yêu cầu đối với báo giá:

- Để đảm bảo tính hợp lệ, báo giá của Quý Đơn vị cần đáp ứng các yêu cầu sau:
- Phí dịch vụ, thời gian thẩm định phù hợp và giá cạnh tranh thấp nhất. Giá dịch vụ thẩm định giá bằng hình thức, mức giá dịch vụ trọn gói (đã bao gồm toàn bộ chi phí khảo sát, thu thập thông tin để thẩm định giá tài sản đảm bảo).
- Báo giá được lập theo mẫu tại Phụ lục 02 đính kèm.
- Báo giá có hiệu lực tối thiểu 90 ngày kể từ ngày phát hành.

- Đơn giá chào đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác liên quan để cung cấp dịch vụ tại Bệnh viện.

- Báo giá phải được ký và đóng dấu bởi người đại diện hợp pháp của đơn vị.

- Kèm theo báo giá là các tài liệu sau:

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Hồ sơ năng lực công ty (bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá còn hiệu lực).

+ Trong thư chào giá phải có nội dung **cam kết đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15**.

+ Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm (nếu có): Catalogue, mô tả sản phẩm; hợp đồng cung cấp dịch vụ tương tự đã thực hiện (nếu có).

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được sự quan tâm và báo giá của các đơn vị.

Lưu ý: Bệnh viện sẽ không thanh toán bất kỳ chi phí nào liên quan đến việc tham gia báo giá của các đơn vị.

- Báo giá của đơn vị là căn cứ để Bệnh viện xem xét lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ theo quy định.

- Bệnh viện có quyền lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ phù hợp hoặc từ chối mà không phải thông báo lý do.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, Tổ mua sắm.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Việt

Phụ lục I
DANH MỤC VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT

(Kèm theo Thông báo số 3070/TB-BVT ngày 22/10/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

1. THÔNG TIN DỊCH VỤ

STT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thẩm định giá lô tài sản máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ hết hạn sử dụng theo sổ kế toán cần thanh lý của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Gói	01

2. CHI TIẾT DANH MỤC, YÊU CẦU KỸ THUẬT THIẾT BỊ CẦN THẨM ĐỊNH GIÁ

2.1. DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ THANH LÝ (Tài sản công cụ dụng cụ)

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
I	Máy móc, thiết bị chuyên dùng											21,980,000	21,980,000	0		
1	Máy hút dịch Cami Newaskin 20	Cái	1	Italia	2016		Cami	New Askir 20	21705	Hồng	Thăm dò chức năng	8,000,000	8,000,000	0		NS1606
2	Máy hàn dây máu	Cái	1	Nhật Bản	1996		Terumo	ACS-152	9910067	Hồng	Huyết học	6,990,000	6,990,000	0		BV9602
3	Máy hàn dây máu	Cái	1	Nhật Bản	1996		Terumo	ACS-152	9602216	Hồng	Huyết học	6,990,000	6,990,000	0		BV9601
	Máy móc, thiết bị văn phòng											181,296,361	181,296,361	0		
1	Dàn vi tính G2030	Bộ	1	Liên doanh	2014						Bệnh nhiệt đới	7,073,000	7,073,000	0		BV14379
2	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2014						Hồi Sức Cấp Cứu	8,371,000	8,371,000	0		BV14001
3	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2014						Kế Hoạch Tổng Hợp- BHYT Tầng 3	8,811,000	8,811,000	0		BV14024
4	Dàn máy tính G2020	Bộ	1	Liên doanh	2016						Khoa Khám Bệnh	7,073,000	7,073,000	0		BV16038
5	Dàn vi tính G2030, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2014						Kiểm Soát Nhiễm Khuẩn	9,636,000	9,636,000	0		BV14222

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
6	Dàn vi tính G2030, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2014						Lão Học	9,636,000	9,636,000	0		BV14223
7	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2014						Ứng Bướu	8,371,000	8,371,000	0		BV14073
8	Dàn vi tính G2020, LCD Samsung	Bộ	1	Liên doanh	2014						Yêu Cầu	8,371,000	8,371,000	0		BV14025
9	Codec Polycom Group 500 8216184597F3CV	Bộ	1													
10	Camera Polycom Group 500	Bộ	1													
11	Chuột máy tính	Cái	6													
12	Bàn phím	Cái	5													
13	Bộ chia 1 -4	Cái	1													
14	Dây HDMI	Cái	3													
15	Hộp quang máy in	Cái	1													
16	Bộ chuyển video	Cái	1													
17	Card fomat G500	Cái	1													
18	Đầu đọc mã vạch	Cái	2													
19	Swicth SMC	Cái	4													
20	Máy in 161	Cái	2													
21	Đầu camera	Cái	2													
22	Máy tính xe tiêm (tích hợp All in one)	Cái	1		2018						Chấn Thương				Thuộc xe tiêm tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	CNTT181 230118

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
23	Máy tính xe tiêm (tích hợp All in one)	Cái	1		2018						Hô Hấp & Bệnh Nghề Nghiệp				Thuộc xe tiêm tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	CNTT181 230143
24	Máy tính xe tiêm (tích hợp All in one)	Cái	1		2018						Lão Học				Thuộc xe tiêm tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	CNTT181 230152
25	Máy tính xe tiêm (tích hợp All in one)	Cái	1		2018						Ngoại				Thuộc xe tiêm tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	CNTT181 230119
26	Máy tính xe tiêm (tích hợp All in one)	Cái	1		2018						Nội Tổng Hợp				Thuộc xe tiêm tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin	CNTT181 230138

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong số TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi số	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
															bệnh viện	
27	Máy tính xe tiêm (tích hợp All in one)	Cái	1		2018						Răng Hàm Mặt				Thuộc xe tiêm tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	CNTT181 230131
28	Máy tính xe tiêm (tích hợp All in one)	Cái	1		2018						Tim Mạch				Thuộc xe tiêm tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	CNTT181 230077
29	Sạc pin Xe điều dưỡng tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	Cái	5		2018						Nội tổng hợp				Thuộc xe tiêm tích hợp máy tính truy cập hệ thống thông tin bệnh viện	Lên TL 03 c
30	Lưu điện 1000 VA	Cái	2								TCKT					
31	Lưu điện 500 VA	Cái	2								TCKT					

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
32	Máy in laser	Cái	1					HP M402			TCKT					
33	Máy in	Cái	2				Canon	2900			Sản					
34	Cây máy tính Main H81	Cái	1								Sản					
35	Cây máy tính HP 280G3	Cái	2								HSCC					
36	LCD máy tính philips 192E2SB2	Cái	2								GMHS					
37	LCD máy tính Samsung S19C170B 192E2SB2	Cái	1								Sản					
38	Dàn máy tính	Bộ	1								KKB					
39	Đầu đọc bacode	Cái	1								KHTH					
40	Tủ lạnh Sanyo 90 lít	Cái	1	Việt Nam	2014							5,220,000	5,220,000	0		BV14061
41	Tủ lạnh Sanyo 90 lít	Cái	1	Việt Nam	2014						Khoa Lão khoa	5,220,000	5,220,000	0		BV14061
42	Tủ lạnh Sanyo 90 lít	Cái	1	Việt Nam	2014						Khoa Tim mạch	5,220,000	5,220,000	0		BV14061
43	Cây nước Kangaru	Cái	1	Việt Nam	2014						Khoa Nội B (2)	5,453,787	5,453,787	0		BV23082 9007
44	Cây nước Kangaru	Cái	1	Việt Nam	2014							5,453,787	5,453,787	0		BV23082 9007
45	Cây nước NagaKawar	Cái	1	Việt Nam	2014						Khoa Y học cổ truyền	6,183,000	6,183,000	0		BV23082 9007
46	Cây nước Kangaru	Cái	1	Việt Nam	2014						Khoa Khám bệnh	5,453,787	5,453,787	0		BV23082 9007
47	Ti vi Toshiba 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2013						Khoa Nội B	5,800,000	5,800,000	0		BV13079
48	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2014						Khoa Mắt	6,578,000	6,578,000	0	KKB	BV15020
49	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2012						Khoa Sản	5,700,000	5,700,000	0		BV14033
50	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2012						Khoa Y học cổ truyền	5,700,000	5,700,000	0		BV14034
51	Ti vi Toshiba 40inch	Cái	1	Việt Nam	2014						Khoa Tim mạch	8,415,000	8,415,000	0		BV18020 605
52	Tivi Sharp 32inch	Cái	1	Việt Nam	2010						Khoa Ung bướu	5,570,000	5,570,000	0		VT1210
53	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2012						Khoa Chấn thương	6,270,000	6,270,000	0		BV14372
54	Ti vi Samsung 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2012						Khoa Khám bệnh yêu cầu	6,270,000	6,270,000	0		BV14373
55	Ti vi Sharp 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2012						Khoa Nội tổng hợp	5,570,000	5,570,000	0		VT1209
56	Ti vi TCL LED 32 inch	Cái	1	Việt Nam	2014						Khoa Hô hấp	5,950,000	5,950,000	0		

[illegible]

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
80	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam		2005					TNT	7,000,000	7,000,000	0	BV0530	BV0530
81	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam		2005					TNT	7,000,000	7,000,000	0	BV0531	BV0531
82	Giường inox 2 tay quay	Cái	1	Việt Nam		2005					TNT	7,000,000	7,000,000	0	BV0532	BV0532
83	Giường nhựa	Cái	2	Việt Nam												
84	Bình nóng lạnh 30 lít Picenza	Cái	2							hỏng						
85	Bàn Inox có lỗ xả rác	Cái	1							hỏng						
86	Bàn có chậu rửa đơn	Cái	2							hỏng						
87	Bàn Inox bấm chặt mặt nhựa	Cái	3							hỏng						
88	Bàn Inox 1,5m	Cái	2							hỏng						
89	Bàn Inox 1,2m	Cái	1							hỏng						
90	Xe (bàn) đẩy Inox 3 tầng	Cái	2							hỏng						
91	Xe (bàn) đẩy Inox 2 tầng	Cái	2							hỏng						
92	Xe đẩy Inox	Cái	3							hỏng						
93	Bàn ăn Inox	Cái	1							hỏng						
94	Ghế Xuân Hòa	Cái	180							hỏng						
	Tổng	Cái										203,276,361	203,276,361	0		

2.2. DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ THANH LÝ (Tài sản cố định)

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
I	Máy móc, thiết bị chuyên dùng											29,655,619,679	29,655,619,679	0		
1	Máy lọc máu chạy thận nhân tạo B.Braun 7105005	Cái	1	Đức	2010		B.Braun	Dialog+	39070	Đức	Khoa Bệnh Nhiệt Đới	451,800,000	451,800,000	-		TN200401001
2	Máy lọc máu chạy thận nhân tạo B.Braun 7105005	Cái	1	Đức	2010		B.Braun	Dialog+	39067	Đức	Khoa Bệnh Nhiệt Đới	451,800,000	451,800,000	-		TN200401002
3	Máy lọc máu chạy thận nhân tạo B.Braun Dialog +	Cái	1	Đức	2009		B.Braun	Dialog+	28955	Đức	HSTC - Thận nhân tạo	85,000,000	85,000,000	0		LD0901
4	Máy lọc máu chạy thận nhân tạo B.Braun Dialog +	Cái	1	Đức	2009		B.Braun	Dialog+	39074	Đức	HSTC - Thận nhân tạo	85,000,000	85,000,000	0		LD0902
5	Máy lọc máu chạy thận nhân tạo B.Braun Dialog +	Cái	1	Đức	2009		B.Braun	Dialog+	39314	Đức	HSTC - Thận nhân tạo	85,000,000	85,000,000	0		LD0903

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
6	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+	Cái	1	Đức	2013		B.Braun	Dialog+	201472	Đức	HSTC - Thận nhân tạo	546,000,000	546,000,000	0		LD200102002
7	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+	Cái	1	Đức	2013		B.Braun	Dialog+	201992	Đức	HSTC - Thận nhân tạo	546,000,000	546,000,000	0		LD200102007
8	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+	Cái	1	Đức	2013		B.Braun	Dialog+	201010	Đức	HSTC - Thận nhân tạo	546,000,000	546,000,000	0		LD200102006
9	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+	Cái	1	Đức	2013		B.Braun	Dialog+	201471	Đức	HSTC - Thận nhân tạo	546,000,000	546,000,000	0		LD200102001
10	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+	Cái	1	Đức	2013		B.Braun	Dialog+	201474	Đức	HSTC - Thận nhân tạo	546,000,000	546,000,000	0		LD200102004
11	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+	Cái	1	Đức	2013		B.Braun	Dialog+	201521	Đức	HSTC - Thận nhân tạo	546,000,000	546,000,000	0		LD200102008
12	Máy chạy thận nhân tạo Dialog+	Cái	1	Đức	2013		B.Braun	Dialog+	201475	Đức	HSTC - Thận nhân tạo	546,000,000	546,000,000	0		LD200102005
13	Máy lọc máu chạy thận nhân tạo B.Braun Dialog +	Cái	1	Đức	2012		B.Braun	Dialog+	102582	Đức	HSTC - Thận nhân tạo	518,500,000	518,500,000	0		NS12021
14	Máy thở đa năng Newport E150	Cái	1	Mĩ	2012		Newport	E150	0707BF435	Mĩ	Bệnh nhiệt đới	408,000,000	408,000,000	0		NS12088
15	Máy thở đa năng Newport E150	Cái	1	Mĩ	2012		Newport	E150	1206BF1179	Mĩ	Nhi	408,000,000	408,000,000	0		NS12089
16	Máy thở đa năng Newport E150	Cái	1	Mĩ	2013		Newport	E150	1206BF1180	Mĩ	Nhi	408,000,000	408,000,000	0		NS12090
17	Nồi hấp ướ t tự động Tomy ES-315	Cái	1	Nhật Bản	2016		Tomy	ES-315	49135155	Nhật Bản	Vì sinh	99,750,000	99,750,000	0		BV16023
18	Máy lắ c Lab 4 You OS-10	Cái	1	Đức	2006		Orbital	OS - 10	0C0506009	Đức	Vì sinh	14,984,775	14,984,775	0		ODAD06068
19	Máy lắ c máu Viettromed HM-330.BC	Cái	1	Việt Nam	2014		Vietromed			Việt Nam	Huyết học	33,150,000	33,150,000	0		BV14290
20	Máy lắ c máu Viettromed HM-330.BC	Cái	1	Việt Nam	2014		Vietromed			Việt Nam	Huyết học	33,150,000	33,150,000	0		BV14291
21	Máy lắ c máu Viettromed HM-330.BC	Cái	1	Việt Nam	2014		Vietromed			Việt Nam	Huyết học	33,150,000	33,150,000	0		BV14292
22	Máy lắ c máu Viettromed HM-330.BC	Cái	1	Việt Nam	2014		Vietromed			Việt Nam	Huyết học	33,150,000	33,150,000	0		BV14330
23	Máy lắ c máu Viettromed HM-330.BC	Cái	1	Việt Nam	2014		Vietromed			Việt Nam	Huyết học	33,150,000	33,150,000	0		BV14331
24	Máy lắ c máu Viettromed HM-330.BC	Cái	1	Việt Nam	2014		Vietromed			Việt Nam	Huyết học	33,150,000	33,150,000	0		BV14332
25	Máy cân, lắ c máu tự động	Cái	1	Pháp	2009		Terumo		2008-14	Pháp	Huyết học	62,000,000	62,000,000	0		NS0911
26	Máy cân, lắ c máu tự động	Cái	1	Pháp	2009		Terumo		2008-17	Pháp	Huyết học	62,000,000	62,000,000	0		NS0909

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
27	Máy đốt laser cò tử cung Lasermet	Cái	1	Việt Nam	2003		Kernel		13052454	Việt Nam	Sản	54,223,400	54,223,400	0		BV0308
28	Đèn mổ di động Dre Vista	Cái	1	Mĩ	2010		Dre Medical	Vista	1010123	Mĩ	Cấp cứu	44,000,000	44,000,000	0		TPCP10050
29	Máy siêu âm 4D Doppler màu đa năng 4 đầu dò Voluson 730 Pro	Cái	1	Áo	2013		GE	Voluson 730	45828	Áo	Chẩn đoán hình ảnh	1,938,060,000	1,938,060,000	0		TPCP13116
30	Máy siêu âm 4D Doppler màu đa năng 3 đầu dò Voluson 730 Pro	Cái	1	Áo	2013		GE	Voluson 730	45827	Áo	Chẩn đoán hình ảnh	1,935,150,000	1,935,150,000	0		TPCP13114
31	Máy siêu âm 4D Doppler màu đa năng 4 đầu dò Voluson 730 Pro	Cái	1	Áo	2013		GE	Voluson 730	45835	Áo	Chẩn đoán hình ảnh	1,938,060,000	1,938,060,000	0		TPCP13117
32	Máy siêu âm màu 4D Voluson 730 Pro	Cái	2	Áo	2013		GE	Voluson 730	44668	Áo	Chẩn đoán hình ảnh	1,702,360,000	1,702,360,000	0		LD200801001
33	Máy chụp XQ cao tần Shimadzu chụp tại giường	Cái	1	Nhật Bản	2008		Shimadzu	MobileArt eco	0362P85005	Nhật Bản	Chẩn đoán hình ảnh	374,880,000	374,880,000	0		BV0813
34	Máy chụp XQ tuyến vú Planmed Sophie Classic S	Cái	1	Phần Lan	2013		Planmed	Sophie Classic S	YCCHS32584	Phần Lan	Chẩn đoán hình ảnh	1,784,800,000	1,784,800,000	0		TPCP13146
35	Máy xử lý mô tự động Thermo Scientific Citadel 200	Cái	1	Anh	2013		Thermo	TM2000	CB1996R1212	Anh	Giải phẫu bệnh	800,357,000	800,357,000	0		TPCP13147
36	Kính hiển vi 2 mắt Nihon Kohden E400	Cái	1	Nhật Bản	2003		Nihon Kohden	E400	691112	Nhật Bản	Giải phẫu bệnh	52,501,200	52,501,200	0		BV0304
37	Dao mổ điện cao tần Itergra Elektrotom 630	Cái	1		2006		Intergra	Elecktrotom 630	10033		Gây mê hồi sức	145,123,778	145,123,778	0		ODAD06019
38	Dao mổ điện cao tần Itergra Elektrotom 630	Cái	1		2006		Intergra	Elecktrotom 630	10028		Gây mê hồi sức	145,123,778	145,123,778	0		ODAD06020
39	Máy mổ mắt Faco Proteg	Cái	1	Mĩ	2006		Karl Storz	DPX100	P12619	Mĩ	Mắt	1,090,000,000	1,090,000,000	0		BV0602
40	Máy cắt nước 2 lần A4000D	Cái	1	Anh	2014		Aquatron	A4000D	R000102657	Anh	Hóa sinh	98,500,000	98,500,000	0		BV14353
41	Monitor TDBN Nihon Kohden 4101K	Cái	1	Nhật Bản	2014		Nihonkohden	4101K	551	Nhật Bản		105,000,000	105,000,000	0		VT1418
42	Monitor TDBN Nihon Kohden 4101K	Cái	1	Nhật Bản	2003		Nihonkohden	4101K	00200	Nhật Bản		216,665,000	216,665,000	0		BV0313
43	Monitor TDBN Nihon Kohden 4101K	Cái	1	Nhật Bản	2014		Nihonkohden	4101K	193	Nhật Bản		105,000,000	105,000,000	0		VT1416
44	Monitor TDBN Nihon Kohden 4101K	Cái	1	Nhật Bản	2014		Nihonkohden	4101K	1034	Nhật Bản		105,000,000	105,000,000	0		VT1415
45	Monitor TDBN Nihon Kohden 4101K	Cái	1	Nhật Bản	2014		Nihonkohden	4101K	1033	Nhật Bản		105,000,000	105,000,000	0		VT1417
46	Bơm tiêm điện Andromeda SY-5000	Cái	1	Nhật Bản	2014		Andromeda	SY-500	Y14K468	Nhật Bản	Nội B	40,000,000	40,000,000	0		NS1416

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
47	Bơm tiêm điện B.Braun Perfusor Compact	Cái	1	Đức	2014		B.Braun	Perfusor Compact	199845	Đức	Hô hấp	30,975,000	30,975,000	0		BV14148
48	Bơm tiêm điện B.Braun Perfusor Compact	Cái	1	Đức	2014		B.Braun	Perfusor Compact	199818	Đức	Hô hấp	30,975,000	30,975,000	0		BV14146
49	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cái	1	Nhật Bản	2010		Terumo	TE 331	1040207	Nhật Bản		20,950,000	20,950,000	0		TPCP10021
50	Máy truyền dịch Terumo TE 112	Cái	1	Nhật Bản	2012		Terumo	TE 112	1208000246	Nhật Bản		34,787,000	34,787,000	0		NS12029
51	Máy truyền dịch Terumo TE 112	Cái	1	Nhật Bản	2010		Terumo	TE 112	1004000278	Nhật Bản		22,980,000	22,980,000	0		TPCP10116
52	Máy đo chức năng hô hấp Chest HI-801	Cái	1	Nhật Bản	2013		Chest	HI - 801	14811503	Nhật Bản	Thăm dò chức năng	135,800,000	135,800,000	0		TPCP13073
53	Máy Doppler tim thai cầm tay Bistos BT200	Cái	1	Hàn Quốc	2011		Bistoss	BT 200		Hàn Quốc	Sản	11,445,000	11,445,000	0		BV1108
54	Monitor TDBN Newtech 9300	Cái	1	Nhật Bản	2002		Newtech	PM 9300		Nhật Bản	Yêu cầu	80,325,000	80,325,000	0		BV0215
55	Máy điện xung, điện phân - 2 kênh trị liệu Therapic-2000	Cái	1	Italia	2011		EME	Therapic 2000	BL05420411	Italia	Phục hồi chức năng	99,600,000	99,600,000	0		BV1169
56	Máy thở Cpap Smartairplus	Cái	1	Mỹ	2010			Cpap Smartairplus		Mỹ	Phòng Vật tư-TBYT	169,575,000	169,575,000	0		TPCP10109
57	Máy thở Cpap Smartairplus	Cái	1	Mỹ	2010			Cpap Smartairplus		Mỹ	Phòng Vật tư-TBYT	169,575,000	169,575,000	0		TPCP10107
58	Máy thở Cpap Smartairplus	Cái	1	Mỹ	2010			Cpap Smartairplus		Mỹ	Phòng Vật tư-TBYT	169,575,000	169,575,000	0		TPCP10108
59	Máy hút dịch chạy điện áp lực thấp Constant 1400	Cái	1	Nhật Bản	2013		Shinei	Constain 1400		Nhật Bản	Phòng Vật tư-TBYT	19,285,750	19,285,750	0		TPCP13086
60	Máy hút dịch chạy điện áp lực thấp Constant 1400	Cái	1	Nhật Bản	2013		Shinei	Constain 1400		Nhật Bản	Phòng Vật tư-TBYT	19,285,750	19,285,750	0		TPCP13087
61	Máy hút dịch chạy điện áp lực thấp Constant 1400	Cái	1	Nhật Bản	2013		Shinei	Constain 1400		Nhật Bản	Phòng Vật tư-TBYT	19,285,750	19,285,750	0		TPCP13088
62	Máy hút dịch chạy điện áp lực thấp Constant 1400	Cái	1	Nhật Bản	2013		Shinei	Constain 1400		Nhật Bản	Phòng Vật tư-TBYT	19,285,750	19,285,750	0		TPCP13089
63	Khoan điện Hitachi XGD-IAC	Cái	1	Nhật Bản	2014		Hitachi	10		Nhật Bản	Gây mê hồi sức	30,000,000	30,000,000	0		BV14097
64	Khoan điện Hitachi XGD-IAC	Cái	1	Nhật Bản	2014		Hitachi	10		Nhật Bản	Gây mê hồi sức	30,000,000	30,000,000	0		BV14098
65	Khoan điện Hitachi FD10VA	Cái	1	Việt Nam	2017		Hitachi	10		Việt Nam	Gây mê hồi sức	28,000,000	28,000,000	0		BV17101
66	Khoan điện Hitachi FD10VA	Cái	1	Việt Nam	2017		Hitachi	10		Việt Nam	Gây mê hồi sức	28,000,000	28,000,000	0		BV17102
67	Monitor TDBN Philips MP 20	Cái	1	Đức	2006		Philips	MP 20	DE-52607520	Đức	Nội B	216,607,248	216,607,248	0		ODAD06104
68	Khoan răng điện Nowvag MD 10	Cái	1	Thụy sĩ	2010		Nowvug	MD 10	8959U1005R	Thụy sĩ	Răng hàm mặt	111,600,000	111,600,000	0		TPCP10089

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
69	Máy thở đa năng EVITA 4 edition	Cái	1	Đức	2013		Drager	Evita 4	ASEB-0134	Đức	Gây mê hồi sức	688,700,000	688,700,000	0		TPCP1 3130
70	Máy thở đa năng EVITA 4 edition	Cái	1	Đức	2013		Drager	Evita 4	ASEB-0132	Đức	Hồi sức tích cực	688,700,000	688,700,000	0		TPCP1 3128
71	Máy thở đa chức năng Bennet 840	Cái	1	Mi	2010		Bennett	840	3510092148	Mi	Hồi sức tích cực	613,975,000	613,975,000	0		TPCP1 0111
72	Máy đo huyết áp tự động Omron HBP9020	Cái	1	Nhật Bản	2014		Omron	HBP-9020	02000003LF	Nhật Bản	Nội B	65,000,000	65,000,000	0		NS1413
73	Máy đốt laser cổ tử cung Lasermet	Cái	1	Việt Nam	2010				297 MN	Việt Nam	Yêu cầu	55,000,000	55,000,000	0		BV1047
74	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cái	1	Nhật Bản	2013		Terumo	TE 331	1212000411	Nhật Bản	Bệnh Nhiệt Đới	23,143,125	23,143,125	0		TPCP1 3047
75	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cái	1	Nhật Bản	2012		Terumo	TE 331	1212000414	Nhật Bản	Bệnh Nhiệt Đới	25,757,000	25,757,000	0		NS12018
76	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cái	1	Nhật Bản	2013		Terumo	TE 331	1212000378	Nhật Bản	Sản	23,143,125	23,143,125	0		TPCP1 3040
77	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cái	1	Nhật Bản	2012		Terumo	TE 331	1209000535	Nhật Bản	TM	25,757,000	25,757,000	0		NS12009
78	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cái	1	Nhật Bản	2013		Terumo	TE 331	1212000429	Nhật Bản	Yêu cầu	23,143,125	23,143,125	0		TPCP1 3043
79	Bơm tiêm điện Terumo TE 331	Cái	1	Nhật Bản	2013		Terumo	TE 331	1212000420	Nhật Bản	Yêu cầu	23,143,125	23,143,125	0		TPCP1 3041
80	Máy siêu âm 4D Doppler màu đa năng 4 đầu dò Voluson 730 Pro	Cái	1	Áo	2013		GE	Voluson 730	A45829	Áo	Khám YC	1,938,060,000	1,938,060,000	0		TPCP1 3115
81	Giường điện HSCC	Cái	1	Ba Lan	2010		Arjohunt leigh	8000	P079077	Ba Lan	Hồi sức tích cực	187,395,000	187,395,000	0		TPCP1 0052
82	Giường điện HSCC	Cái	1	Ba Lan	2010		Arjohunt leigh	8000	P067168	Ba Lan	Hồi sức tích cực	187,395,000	187,395,000	0		TPCP1 0053
83	Máy tiết trùng nhiệt độ cao	Cái	1	Thụy Điển	2006		Getting	HS6613ER - 2	2503053 - 520 - 01	Hồng	Kiểm soát nhiễm khuẩn				Máy theo XDCB	
84	Hệ thống Realtime PCR đồng bộ	Cái	1	Mĩ	2013		Stratagene	MX 3005P	DE14801515	Hồng	Vì sinh	3,648,857,000	3,648,857,000	0	Máy HT (còn nhiều bộ phận đi kèm)	TPCP1 3052
	Máy móc,thiết bị văn phòng											1,744,007,448	1,744,007,448	0		
1	Thiết bị chuyển mạch (Switch) 24 cổng	Bộ	1	Trung Quốc	2018		Cisco				Công Nghệ Thông Tin.	1,744,007,448	1,744,007,448	0		
2	Thiết bị chuyển mạch (Switch) 24 cổng	Bộ	1	Trung Quốc	2018		Cisco				Công Nghệ Thông Tin.	98,204,430	98,204,430	0		
3	Thiết bị chuyển mạch (Switch) 24 cổng	Bộ	1	Trung Quốc	2018		Cisco				Công Nghệ Thông Tin.	98,204,430	98,204,430	0		
4	Thiết bị chuyển mạch (Switch) 24 cổng	Bộ	1	Trung Quốc	2018		Cisco				Công Nghệ Thông Tin.	98,204,430	98,204,430	0		
5	Thiết bị chuyển mạch (Switch) 48 cổng	Bộ	1	Trung Quốc	2018		Cisco				Công Nghệ Thông Tin.	98,204,430	98,204,430	0		

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
6	Thiết bị chuyển mạch (Switch) 48 cổng	Bộ	1	Trung Quốc	2018		Cisco				Công Nghệ Thông Tin.	138,200,776	138,200,776	0		
7	Thiết bị chuyển mạch (Switch) 48 cổng	Bộ		Trung Quốc	2018						Công Nghệ Thông Tin.	138,200,776	138,200,776	0		
8	Thiết bị chuyển mạch (Switch) 24 cổng	Bộ		Trung Quốc	2018						Công Nghệ Thông Tin.	138,200,776	138,200,776	0		
9	Lưu điện Santak 2KVA	Cái	1	Trung Quốc	2013		Santak				Khoa Vi sinh	98,204,430	98,204,430	0		
10	Lưu điện Santak 2KVA	Cái	1	Trung Quốc	2015		Santak				Khoa Tim mạch	18,315,000	18,315,000	0		
11	Lưu điện Santak 3KVA	Cái	1	Trung Quốc	2012		Santak				Khoa Chẩn đoán hình ảnh (4)	18,315,000	18,315,000	0		
12	Lưu điện Santak 3KVA	Cái	1	Trung Quốc	2016		Santak				Khoa Chẩn đoán hình ảnh (4)	28,000,000	28,000,000	0		
13	Lưu điện Santak 3KVA	Cái	1	Trung Quốc	2012		Santak				Khoa Chẩn đoán hình ảnh (4)	28,050,000	28,050,000	0	HSCC	
14	Lưu điện Santak 3KVA	Cái	1	Trung Quốc	2015		Santak				Khoa Chẩn đoán hình ảnh (4)	28,000,000	28,000,000	0	CĐHA	
15	Lưu điện Santak 3KVA	Cái	1	Trung Quốc	2015		Santak				Khoa Sản (2)	28,050,000	28,050,000	0	YC	
16	Lưu điện Santak 3KVA	Cái	1	Trung Quốc	2013		Santak				Khoa Chẩn đoán hình ảnh (4)	28,050,000	28,050,000	0	sản	
17	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Việt Nam	2014		Sumikura	18000 Btu			Khoa giải phẫu bệnh -phòng lấy mô	26,741,000	26,741,000	0	CĐHA	
18	Điều hòa Mitsubishi 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2015		Misubishi	24000 Btu			Khoa hồi sức tích cực-p ngoại	16,608,000	16,608,000	0		
19	Điều hòa Mitsubishi 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2015		Misubishi	24000 Btu			Khoa hồi sức tích cực-p ngoại	32,236,500	32,236,500	0		
20	Điều hòa Mitsubishi 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2015		Misubishi	24000 Btu			Khoa hồi sức tích cực-p nội	32,236,500	32,236,500	0		
21	Điều hòa Mitsubishi 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2015		Misubishi	18000 Btu			Khoa hồi sức tích cực- đột quỵ	32,236,500	32,236,500	0		
22	Điều hòa Mitsubishi 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2015		Misubishi	18000 Btu			Khoa hồi sức tích cực- P6	26,535,000	26,535,000	0		
23	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2013		Sumikura	18000 Btu			Khoa Khám bệnh - p lấy máu	26,536,000	26,536,000	0		
24	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2013		Sumikura	18000 Btu			Khoa Lão khoa	16,260,700	16,260,700	0		
25	Điều hòa Mitsubishi 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2014		Misubishi	18000 Btu			Khoa KSNK-p đông gói dụng cụ	16,260,660	16,260,660	0		

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong sổ TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi sổ	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
26	Điều hòa Mitsubishi 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2015		Misubis hi	18000 Btu			Khoa Chấn thương	23,941,500	23,941,500	0		
27	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014		Sumikur a	12000 Btu			Khoa khám bệnh - p khám sản	26,938,000	26,938,000	0		
28	Điều hòa Mitsubishi 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2015		Misubis hi	24000 Btu			Khoa KSNK- p cấp phát dụng cụ	12,571,000	12,571,000	0		
29	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014		Sumikur a	12000 Btu			Khoa RHM-p tư vấn phẫu thuật	26,283,510	26,283,510	0		
30	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2013		Sumikur a	12000 Btu			Khoa Sản-P3.8	12,488,000	12,488,000	0		
31	Điều hòa LG 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Việt Nam	2014		LG	12000 Btu			Khoa HSTC - p yêu cầu	11,689,600	11,689,600	0		
32	Điều hòa Nagakawa 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Việt Nam	2014		Nagaka wa	12000 Btu			Khoa Thần kinh cột sống - p4.12	12,592,000	12,592,000	0		
33	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014		Sumikur a	12000 Btu			Khoa RHM-p trực bác sĩ	12,210,000	12,210,000	0		
34	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014		Sumikur a	12000 Btu			Khoa RHM-p thủ thuật	12,488,000	12,488,000	0		
35	Điều hòa Sumikura 12.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014		Sumikur a	12000 Btu			Khoa RHM-p trực bác sĩ	12,488,000	12,488,000	0		
36	Điều hòa Sumikura 18.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Malaysia	2014		Sumikur a	18000 Btu			Khoa RHM-p Cấp cứu	12,488,000	12,488,000	0		
37	Điều hòa Mitsubishi 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2015		Misubis hi	24000 Btu			Khoa Nội tổng hợp P chạy thận	17,022,000	17,022,000	0		
38	Điều hòa Mitsubishi 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2015		Misubis hi	24000 Btu			Khoa Nội tổng hợp P chạy thận	32,126,500	32,126,500	0		
39	Điều hòa Mitsubishi 24.000 BTU, 2 chiều	Bộ	1	Thái Lan	2015		Misubis hi	24000 Btu			Khoa Nội tổng hợp P chạy thận	30,422,000	30,422,000	0		
40	Điều hòa LG 18.000 BTU	Bộ	1	Việt Nam	2005		LG	18000 Btu			Phòng khám số 2- phòng trưởng khoa	30,422,000	30,422,000	0		
41	Kiosk đón tiếp tự động	Bộ	1	Việt Nam	2017		Stech				QLCL	16,132,000	16,132,000	0		
42	Kiosk đón tiếp tự động	Bộ	1	Việt Nam	2017		Stech				QLCL	44,550,000	44,550,000	0	Gồm Máy tính I3 4160; in nhiệt T81;UP S santak; đầu đọc mã vạch (code); sac pin	
43	Kiosk đón tiếp tự động	Bộ	1	Việt Nam	2017		Stech				QLCL	44,550,000	44,550,000	0	Gồm Máy tính I3 4130;	

STT	Tên thiết bị	ĐVT	SL	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Năm SD trong số TS	Hãng sản xuất	Model	Serial	Tình trạng TTB	Khoa SD	Nguyên giá ghi số	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi chú	MTS
															in nhiệt T81;UP S santak; đầu đọc mã vạch (code); sạc pin	
	Tổng											31,399,627,127	31,399,627,127	-		

PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số 3070/TB-BVT ngày 22/10/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Thông báo số/TB-BVT ngày/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc mời cung cấp báo giá, [**Tên Đơn vị báo giá**] xin trân trọng gửi tới Quý Bệnh viện báo giá các mặt hàng như sau:

STT	Tên, yêu cầu công việc, hàng hóa thuộc dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1						
2						
3						

Chúng tôi cam kết:

1. Cam kết đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày phát hành.

3. Đơn giá đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển, lắp đặt (nếu có) và các chi phí khác để giao hàng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng/ký hợp đồng.

5. Điều khoản thanh toán:

6. Các thông tin chúng tôi cung cấp là hoàn toàn trung thực.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)